

Bản án số: 179 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20-8-2018
V/v “ Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Linh Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Hoa;

2. Ông Đào Văn Hùng;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Tú – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 20 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 779/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2018 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 238/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đào Thị Bé H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp A, xã N, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tam Gi, sinh năm 1985.

Địa chỉ: khu vực B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Các đương sự có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 06/7/2018, nguyên đơn chị Đào Thị Bé H trình bày: Chị H và anh Gi cưới nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Vợ chồng chung sống đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường gây gỗ, cãi nhau. Chị H đã ly thân anh Gi từ tháng 02 năm 2018 đến nay. Nay chị H khởi kiện yêu cầu:

Về tình cảm: Chị Đào Thị Bé H yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tam Gi.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Yến Nh, sinh ngày 26/11/2009 và Nguyễn Quốc Th, sinh ngày 23/4/2012, hiện cháu Nh đang sống với anh Gi, cháu Th đang sống với chị H. Khi ly hôn chị H yêu cầu tiếp tục nuôi

cháu Nguyễn Quốc Th và đồng ý để anh Gi nuôi cháu Nguyễn Ngọc Yên Nh, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Tam Gi trình bày trong biên bản hòa giải ngày 30/7/2018 và tại phiên tòa: anh Gi thống nhất điều kiện kết hôn và con chung, tình trạng hôn nhân như chị H trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh Gi cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng, anh Gi thừa nhận do bản tính nóng nảy nên anh hay la mắng chị H dẫn đến chị H giận, bỏ về nhà ba mẹ ruột sinh sống. Nay do còn thương vợ con nên anh Gi cam kết sẽ sửa chữa, không đồng ý ly hôn và yêu cầu được đoàn tụ để cùng vợ chăm lo cho con.

Về con chung: Thống nhất có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Yên Nh, sinh ngày 26/11/2009 và Nguyễn Quốc Th, sinh ngày 23/4/2012, hiện cháu Nh đang sống với anh Gi, cháu Th đang sống với chị H. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Gi yêu cầu được nuôi cả 02 con chung và không ai phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Đào Thị Bé H không bỏ sung, thay đổi yêu cầu khởi kiện, vẫn giữ các yêu cầu, ý kiến trình bày.

Bị đơn anh Nguyễn Tam Gi không có đơn phản tố, xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ, không bỏ sung gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Chị Đào Thị Bé H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tam Gi, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về tình cảm: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Gi có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An vào ngày 17/6/2009 nên hôn nhân giữa chị H và anh Gi là hôn nhân hợp pháp theo qui định Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh Gi: Chị H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, hôn nhân không hạnh phúc. Xét lời trình bày của chị Đào Thị Bé H về mâu thuẫn gia đình thì anh Gi không thừa nhận, anh Gi cho rằng lúc nóng giận vợ chồng có cãi nhau rồi chị H bỏ về cha mẹ ruột sống, nay vì thương các con anh Gi không đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa chị H cương quyết ly hôn, còn anh Gi mong muốn được đoàn tụ và cam kết sẽ quan tâm đến gia đình, phụ giúp chị H chăm sóc các con tốt hơn. Từ đó, HĐXX xét hôn nhân giữa chị Đào Thị Bé H và anh

Nguyễn Tam Gi chưa có mâu thuẫn trầm trọng, anh Gi có nêu được biện pháp hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung nên chị Đào Thị Bé H yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Tam Gi là chưa có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Do Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H nên không xem xét giải quyết việc nuôi con chung.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4]. Về tài sản chung, nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Buộc nguyên đơn chị Đào Thị Bé H phải chịu án phí ly hôn sung công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 271 BLTTDS năm 2015.

Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Điều 107, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đào Thị Bé H đối với anh Nguyễn Tam Gi.

2. Về con chung: không đặt ra xem xét giải quyết..

3. Về cấp dưỡng nuôi con: không đặt ra xem xét giải quyết..

4. Về tài sản chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Đào Thị Bé H phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước, khấu trừ 300.000đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số 0002796 ngày 06/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hoà sang án phí để thi hành. Chị Đào Thị Bé H đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo.

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi

hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND TT H (đề biệt);
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Khắc Linh Duy